UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1443 /QĐ-ĐHTDM

*Bình Dương, ngày 26 tháng 9 năm 2018*

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc công nhận bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học của cán bộ, giảng viên năm học 2017-2018

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 33/QĐ-ĐHTDM ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế hoạt động Khoa học và công nghệ;

Căn cứ kết quả công bố bài báo trên các tạp chí khoa học của cán bộ, giảng viên Trường đại học Thủ Dầu Một năm học 2017-2018;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận danh sách bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học của cán bộ, giảng viên Trường đại học Thủ Dầu Một năm học 2017-2018 (*có các Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Trưởng phòng Khoa học, Trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- HT, các PHT;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, KH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

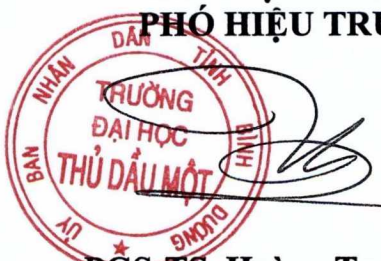


**PGS-TS. Hoàng Trọng Quyền**

**Phụ lục 1**

**DANH SÁCH BÀI BÁO ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐÃ CÔNG BỐ TRÊN CÁC TẠP CHÍ KHOA HỌC NƯỚC NGOÀI CỦA GIẢNG VIÊN NĂM HỌC 2017-2018**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1443 /QĐ-ĐHTDM ngày 26 tháng 9 năm 2018)*

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Effect of the seed particles and reductants on the formation of nanosized gold colloids | **Nguyen Thi Nhat Hang,** Ngo Thi Tuong Vy, Nguyen Canh Minh Thang, Nguyen Thi Phuong Phong | International Journal of Nanotechnology (IJNT) (ISSN 1475-7435) | Volume 15, Issue 1, 3/2018 PP: 135-144 | **SCIE** | Ban Giám hiệu |
| 2. | The suppressive activity of Fucofuroeckol-A derived from brown algal Ecklonia stolonifera Okamura on UVB-induced mast cell degranulation | TS Vo, SK Kim, BM Ryu, **Dai Hung Ngo**, NY Yoon, LG Bach, **NTN Hang**, DN Ngo | Marine Drugs (ISSN 1660-3397) | Volume 16, Issue 1, 2018 PP: 1-9 | **SCIE** | - Khoa Khoa học Tự nhiên<br>- Ban Giám hiệu |
| 3. | Forward Delay-based Packet Scheduling Algorithm for Multipath TCP | **Tuan-Anh Le, Loc X. Bui** | Mobile Networks and Applications (ISSN 1383-469X) | Volume 23, Issue 1, February 2018 | **SCIE** | Ban Giám hiệu |
| 4. | Slicing the Edge: Resource Allocation for RAN Network Slicing | Phuong Luu Vo, Minh N. H. Nguyen, **Tuan Anh Le,** Nguyen H. Tran | IEEE Wireless Communications Letters, Bimonthly (ISSN 2162-2337) | (c) 2018 31 May 2018 PP: 2162-2337 | **SCIE** | Ban Giám hiệu |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5. | The monotone minorant method and eigenvalue problem for multivalued operators in cones | Nguyen Bich Huy, Tran Thanh Binh, **Vo Viet Tri** | Fixed Point Theory (ISSN 1583-5022) | Vol. 19 (2018), No. 1, PP: 275-286 | **SCIE** | Phòng Đào tạo Sau đại học |
| 6. | Hybrid full-duplex/half-duplex relay selection scheme with optimal power under individual power constraints and energy harvesting | Hoang Sy Nguyen, Thang Sang Nguyen, **Viet Tri Vo,** Miroslaw Voznak | Computer Communications (ISSN 0140-3664) | Volume 124, June 2018 PP: 31-44 | **SCIE** | Phòng Đào tạo Sau đại học |
| 7. | Approximation of an Inverse Initial Problem for a Biparabolic Equation | Huy Tuan Nguyen, Mokhtar Kirane, **Nam Danh Hua Quoc**, Van Au Vo | Mediterranean Journal of Mathematics (ISSN 1660-5446, 1660-5454) | Volume 15, Issue 1, February 2018 | **SCIE** | Phòng Khoa học |
| 8. | A new compound from the Rhizomes of Boesenbergia pandurata | Truong Nhat Van Do, Hai Xuan Nguyen, Tho Huu Le, Trang My Thi Ngo, Phu Hoang Dang, Nghia Hieu Phung, Nghia Trong Vo, Duc Minh Nguyen, Nhan Hong Thi Le, **Thanh Thanh Le,** Mai Thanh Thi Nguyen, Suresh Awalee, Nhan Trung Nguyen | Natural product communications (ISSN 1934 -578X) | Vol. 13, No. 6, 2018 PP: 739-740 | **SCIE** | Khoa Khoa học Tự nhiên |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9. | Role of hydroxyl group in cerium hydroxycinnamate on corrosion inhibition of mild steel in 0.6 M NaCl solution | N.D. Nam, P.T.N. Ha, **H.T. Anh**, N.T. Hoai, P.V. Hien | Journal of Saudi Chemical Society (ISSN 1319-6103) | Available online 11 April 2018 | **SCIE** | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 10. | Iron doped zeolitic imidazolate framework (Fe-ZIF-8): synthesis and photocatalytic degradation of RDB dye in Fe-ZIF-8 | Mai Thi Thanh, Tran Vinh Thien, **Pham Dinh Du**, Nguyen Phi Hung, Dinh Quang Khieu | Journal of Porous Mater (ISSN 1380-2224) | June 2018, Volume 25, issue 3 PP: 857-869 | **SCI** | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 11. | Adsorptive removal of Congo Red from aqueous solution using zeolitic imidazolate framework-67 | Nguyen Thi Thanh Tu, Tran Vinh Thien, **Pham Dinh Du**, Vo Thi Thanh Chau, Tran Xuan Mau, Dinh Quang Khieu | Journal of Environmental Chemical Engineering (ISSN 2213-3437) | Volume 6, Issue 2, April 2018 PP: 2269-2280 | **SCIE** | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 12. | Synthesis And Voltammetric Determination Of Pb(II) Using A Zif-8 Based Electrode | Dinh Quang Khieu, Mai Thi Thanh, Tran Vinh Thien, Nguyen Hai Phong, Duc Hoang Van, **Pham Dinh Du**, Nguyen Phi Hung | Journal of Chemistry (ISSN 2090-9063) | Volume 2018 | **SCIE** | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 13. | Metal-organic framework–101 (MIL–101): synthesis, kinetics, thermodynamics, and equilibrium | Vo Thi Thanh Chau, Huynh Thi Minh Thanh, **Pham Dinh Du**, Tran | Journal of Chemistry (ISSN 2090-9063) | Volume 2018 | **SCIE** | Khoa Khoa học Tự nhiên |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | isotherms of remazol deep black RGB adsorption | Thanh Tam Toan, Tran Ngoc Tuyen, Tran Xuan Mau, Dinh Quang Khieu | | | | |
| 14. | Novel amphiphilic heparin-pluronic P123 copolymers exhibiting a great potential for Cisplatin delivery | Ngoc The Nguyen, Thi Hiep Nguyen, Minh Thanh Vu, Van Thu Le, Xuan Anh Nguyen, Tram Chau Nguyen, **Thi Bich Tram Nguyen** | Journal of Materials Science (ISSN 0022-2461) | September 2018, Volume 53, Issue 18 PP: 12692-12703 | **SCI** | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 15. | Effective saccharification of corn stover using Low-liquid aqueous ammonia pretreatment and enzymatic hydrolysis | **Nguyen Phuong Vi Truong**, Tae Hyun Kim | Molecules (ISSN 1420-3049) | Volume 23, Issue 5, 2018 | **SCIE** | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 16. | Selenium distribution in the Chinese environment and its relationship with human health: A review | **Quang Toan Dinh**, Zewei Cui, Jie Huang, **Thi Anh Thu Tran**, Dan Wang, Wenxiao Yang, Fei Zhou, Mengke Wang, Dasong Yu, Dongli Liang | Environment International (ISSN 0160-4120) | Volume 112, March 2018 PP: 294-309 | **SCIE** | Khoa Khoa học Tự nhiên |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 17. | Spatial prediction of saline and sodic soils in rice-shrimp farming land by using integrated artificial neural network/regression model and kriging | **Quang Toan Dinh**, DongLi Liang, **Tran Thi Anh Thu**, **Trong Dieu Hien Le**, Nguyen Dinh Vuong, Van Tat Pham | Archives of agronomy and soil science (ISSN 0365-0340) | Volume 64, Issue 3, 2018 PP: 371-383 | **SCIE** | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 18. | Detoxification of mercury in soil by selenite and related mechanisms | **Thi Anh Thu Tran**, Fei Zhou, Wenxiao Yang, Mengke Wang, **Quang Toan Dinh,** Dan Wang, DongLi Liang. | Ecotoxicology and environmental safety (ISSN 0147-6513) | Volume 159, 2018 PP: 77-84 | **SCI** | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 19. | Modelling hyaluronan degradation by streptococcus pneumoniae hyaluronate lyase | **Vinh Q. Mai,** Tuoi T. Vo, Martin Meere | Mathematical Biosciences (ISSN: 0025-5564) | Volume 303, 2018 PP: 126-138 | **SCI** | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 20. | Impact of Primary Interference on Secrecy Performance of Physical Layer Security in Cognitive Radio Networks | Khuong Ho-Van, **Thiem Do-Dac** | Wireless Personal Communications (ISSN 0929-6212) | Volume 100, Issue 3, June 2018 PP: 1099-1127 | **SCIE** | Khoa Kỹ thuật - Công nghệ |
| 21. | Analysis of Security Performance of Relay Selection in Underlay Cognitive Networks | Khuong Ho-Van, **Thiem Do-Dac** | IET Communications (ISSN 1751-8628) | 2018, Vol. 12 Iss. 1 PP: 102-108 | **SCI** | Khoa Kỹ thuật - Công nghệ |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 22. | Joint Effect of Artificial Noise and Primary Interference on Security Performance of Cognitive Radio | Khuong Ho-Van, **Thiem Do-Dac** | Telecommunication Systems (ISSN 1018-4864) | Volume 68, Issue 3 July 2018 PP: 593-603 | **SCIE** | Khoa Kỹ thuật - Công nghệ |
| 23. | Performance analysis of jamming technique in energy harvesting cognitive radio networks | Khuong Ho-Van, **Thiem Do-Dac** | Telecommunication Systems (ISSN 1018-4864) | Volume 58, Issue 1, 2018 PP: 1-16 | **SCIE** | Khoa Kỹ thuật - Công nghệ |
| 24. | Hygro-thermal effects on vibration and thermal buckling behaviours of functionally graded beams | Trung-Kien Nguyen, **Ba-Duy Nguyen**, Thuc P.Vo, Huu-Tai Thai | Composite Structures (ISSN 0263-8223) | Volume 176, 9/2017 PP: 1050-1060 | **SCIE** | Khoa Kiến trúc, Xây dựng và Mỹ thuật |
| 25. | Natural products as sources of new fungicides (IV): Synthesis and biological evaluation of isobutyrophenone anologs as potential inhibitors of class-II fructose-1,6-bisphosphate aldolase | Ding Li, Tuong Thi Mai Luong, Wen-Jia Dan, Yanliang Ren, **Hoang Xuan Nien**, An-Ling Zhang, Jin-Ming Gao | Bioorganic & Medicinal Chemistry (ISSN 0968-0896) | Volume 26, issue 2, 15 January 2018 PP: 386-396 | **SCI** | Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ |
| 26. | New taxa and taxonomic notes in Aspidistra (Convallariaceae s.s.) in China, Laos and Vietnam | Leonid V. Averyanov, H.-J. Tillich, Van The Pham, Sinh Khang Nguyen, Tuan Anh Le, Hoang Tuan Nguyen, Tatiana V. Maisak, Anh | Nordic Journal of Botany (ISSN 0107-055X) | Volume 36, issue 7, July 2018 | **SCI** | Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Hoang Le Tuan, Danh Duc Nguyen, Quang Cuong Truong, **Thi Lien Thuong Nguyen** and Tien Chinh Vu | | | | |
| 27. | New Orchids (Orchidaceae: Cymbidieae and Vandeae) in the Flora of Vietnam | Leonid V. Averyanov, **Van Canh Nguyen**, Ba Vuong Truong, Tatiana V. Maisak, Hong Truong Luu, Khang Sinh Nguyen, Quang Diep Dinh, Hoang Tuan Nguyen, Xuan Canh Chu, Gioi Tran, Van Khang Nguyen, Hong Son Le | Taiwania (ISSN 0372-333X) | Vol.63(2)2018 PP: 119-138 | **SCIE** | Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm |
| 28. | Chameleon mechanism in modified gravity f(R) of polynomial exponential form | **Vo Van On, Nguyen Ngoc** | Journal of Physics: Conference Series (ISSN 1742-6588) | Volume 1034, 2018 | **SCOPUS** | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 29. | The combination of Sparse Principle Component Analysis and Kernel Ridge Regression methods applied to speech recognition problem | **Loc Hoang Tran, Linh Hoang Tran** | International Journal of Advances in Soft Computing and its Applications (ISSN 2074-8523) | Vol. 10, No. 2, July 2018 PP: 120-131 | **SCOPUS** | Khoa Kỹ thuật - Công nghệ |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 30. | An Approach to Representing Traffic State on Urban Roads Used by Various Types of Vehicles | Tha Thi Bui, Trung Vinh Tran, Linh Hong Thi Le, Ha Hong Thi Duong, **Phuoc Vinh Tran** | Lecture Notes in Computer Science (ISSN 0302-9743) | Volume 10752, 2018 PP: 179-188 | **SCOPUS** | Khoa Kỹ thuật - Công nghệ |
| 31. | Block-Moving Approach for Speed Adjustment on Following Vehicle in Car-Following Model | Trung Vinh Tran, Tha Thi Bui, **Trang Doan Thuy Nguyen**, Cam Ngoc Thi Huynh, **Phuoc Vinh Tran** | Lecture Notes of the Institute for Computer Sciences, Social Informatics and Telecommunications Engineering (ISSN 1867-8211) | Volume 217, 2017 PP: 100-109 | **SCOPUS** | Khoa Kỹ thuật - Công nghệ |
| 32. | Visualizing Space-Time Map for Bus | Hong Thi Nguyen, **Diu Ngoc Thi Ngo**, Tha Thi Bui, Cam Ngoc Thi Huynh, **Phuoc Vinh Tran** | Lecture Notes of the Institute for Computer Sciences, Social Informatics and Telecommunications Engineering (ISSN 1867-8211) | Volume 217, 2017 PP: 38-47 | **SCOPUS** | Khoa Kỹ thuật - Công nghệ |
| 33. | Effects of crumb rubber content and curing time on the properties of asphalt concrete and stone mastic asphalt using dry process | **H. T. Tai Nguyen**, T. Nhan Tran | International Journal of Pavement Research and Technology (ISSN 1996-6814) | Volume 11, Issue 3, May 2018 PP: 236-244 | **SCOPUS** | Khoa Kiến trúc, Xây dựng và Mỹ thuật |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 34. | Using a Non-local Elastic Damage Model to Predict the Fatigue Life of Asphalt Pavement Structure | **H. T. Tai Nguyen, N. Hung Nguyen** | Lecture Notes in Mechanical Engineering (ISSN 2195-4364) | 21 February 2018 PP: 47-63 | **SCOPUS** | Khoa Kiến trúc, Xây dựng và Mỹ thuật |
| 35. | Determinants of Export Performance: An Empirical Research on Seafood Firms in Viet Nam | Bang Nguyen Viet Vu Nguyen Thanh **Hung Nguyen Thanh** Nhan Vo Kim | International Journal of Economic Research (ISSN 0972-9380) | Vol. 14, No. 15 (Part 4), 2017 PP: 657-671 | **SCOPUS** | Khoa Kinh tế |
| 36. | Genes and cell signalling in prostate cancer: a review | Emmanuel Paul Okoi, Maryam Ammani Lawal, Khuyen Thi Kim Vo, Margaret Akpana Odey and **Trung Minh Dao** | European Journal Of Pharmaceutical And Medical Research (ISSN 2394-3211) | 2018, 5(6) PP: 278-283 | Tạp chí quốc tế (không thuộc ISI, Scopus) | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 37. | Apply Cassia Fistula seed gum as auxiliary bio-coagulant for fish processing wastewater treatment | Nguyen Vo Chau Ngan, Luong Thi Diem Thuy and **Dao Minh Trung** | International Journal of Advanced Scientific Research and Management (ISSN 2455-6378) | Vol 2 Issue 6, June 2017 | Tạp chí quốc tế (không thuộc ISI, Scopus) | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 38. | Practical strategies to get children excited about English class activities | **Pham Ngoc Thuy Dung** | The Teacher Trainer, Pilgrims Publication | Volume 32, No. 1 | Tạp chí quốc tế (không thuộc ISI, Scopus) | Khoa Ngoại ngữ |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 39. | 汉语"和"与越南语对应词的对比 | **Mai Thu Hoài** | Contemporary Education Research and Teaching Practice (ISSN 2095-6711) | 2017.08 PP: 273-275 | Tạp chí quốc tế (không thuộc ISI, Scopus) | Khoa Ngoại ngữ |
| 40. | Determinants of export potential for Vietnam rice product | Dr. Bang Nguyen Viet, Dr. Vu Nguyen Thanh, MBA. Nhan Vo Kim, MBA. Phu Phan Phung, **MA. Hung Nguyen Thanh** | International Journal of Management, IT & Engineering (ISSN 2249-0558) | Vol. 7, Issue 11, November 2017 | Tạp chí quốc tế (không thuộc ISI, Scopus) | Khoa Kinh tế |
| 41. | Effects of service quality on customer satisfaction and customer loyalty: The case of broadband internet services in Viet Nam | Dr. Bang Nguyen Viet, Dr. Vu Nguyen Thanh, MBA. Nhan Vo Kim, MBA. Phu Phan Phung, **MA. Hung Nguyen Thanh** | International Journal of Recent Advances in Multidisciplinary Research (ISSN 2350-0743) | Vol. 04, Issue 10, PP: 2914-2921, October, 2017 | Tạp chí quốc tế (không thuộc ISI, Scopus) | Khoa Kinh tế |
| 42. | The Relationship between Perceived Access to Finance and Social Entrepreneurship Intentions among University Students in Vietnam | **ThS. Phan Tấn Lực** | Journal of Asian Finance, Economics and Business (ISSN 2288-4637) | Vol. 5 No.1 (2018) PP: 75-84 | Tạp chí quốc tế (không thuộc ISI, Scopus) | Khoa Kinh tế |

**Danh sách này có: 42 bài báo được công nhận đã công bố trên các tạp chí khoa học nước ngoài./.**

Trong đó: - Tạp chí thuộc danh mục ISI: 27 bài
- Tạp chí thuộc danh mục Scopus: 08 bài
- Tạp chí quốc tế (không thuộc ISI, scopus): 07 bài

**Phụ lục 2**

**DANH SÁCH BÀI BÁO ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐÃ CÔNG BỐ TRÊN CÁC TẠP CHÍ KHOA HỌC THUỘC DANH MỤC TẠP CHÍ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC TÍNH ĐIỂM CỦA GIẢNG VIÊN NĂM HỌC 2017-2018**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1443 /QĐ-ĐHTDM ngày 26 tháng 9 năm 2018)*

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Ảnh hưởng của tinh dầu chiết xuất từ cây cúc leo đến sự phát triển và tính ngán ăn của sâu khoang | **Trần Thanh Hùng, Nguyễn Thanh Bình** | Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 4 ( 35) 2017 | 0.25 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 2. | Effects of sperm preservation at 40c and 260c to production pig embryos in vitro fertilisation | **Nguyễn Thanh Bình,** Masashi Miyake | Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi (ISSN 1859 - 476X) | Số 223, 8/2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 3. | Thử nghiệm sản xuất chế phẩm men tiêu hóa giàu protease bền nhiệt từ Bacillus subtilis Ba 79 | **Trần Ngọc Hùng, Nguyễn Thanh Bình** | Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi (ISSN 1859 - 476X) | Số 223, 8/2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 4. | Đánh giá một số chỉ tiêu chất lượng nước trong điều kiện nuôi nhốt cá sấu xiêm (*Crocodylus siamensis*) | **Nguyễn Thanh Bình,** Bùi Thị Thảo, Mai Văn Hoàng | Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi (ISSN 1859 - 476X) | Số 225, 10/2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 5. | Nghiên cứu quá trình lên men ethanol sinh học từ nguồn sinh khối rong nước lợ *Chaetomorpha* sp. sau trích ly prrotein | **Nguyễn Thị Liên,** Hoàng Kim Anh | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 2 (37) 2018 | 0.25 | Khoa Khoa học Tự nhiên |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 6. | Một số đặc điểm sinh trưởng của cầy vòi hương (*Paradoxurus hermaphroditus* Pallas, 1777) trong điều kiện nuôi nhốt | **Nguyễn Thị Thu Hiền,** Nguyễn Thị Phương Thảo, **Nguyễn Thanh Bình** | Tạp chí Khoa học ĐHQGHN (ISSN 0866-8612) | Tập 33 (1S), 2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 7. | Study on hematological parameters of common palm civets *(Paradoxurus hermaphroditus* Pallas, 1777*)* in captivity | **Nguyễn Thị Thu Hiền,** Nguyễn Thị Phương Thảo, **Nguyễn Thanh Bình** | Tạp chí Công nghệ Sinh học (ISSN 1811-4989) | Số 15 (3A), 2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 8. | Đánh giá cảm quan sản phẩm cà phê Robusta chồn của trường Đại học Thủ Dầu Một | **Nguyễn Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Thanh Thảo,** Nguyễn Thị Hảo, **Nguyễn Thanh Bình** | Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một (ISSN: 1859-4433) | Số 3 (34) 2017 | 0.25 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 9. | Ảnh hưởng của tinh dầu cúc leo (*Mikania cordata*) đến sự phát triển và tính ngán ăn của sâu khoang (*Spodoptera litura*) | **Trần Thanh Hùng, Nguyễn Thanh Bình** | Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 4 (35) 2017 | 0.25 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 10. | Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng bào tử nấm *Trichoderma harzianum* trong phòng trị bệnh nấm hồng do nấm *Corticium salmonicolor* trên cây cao su | **Nguyễn Anh Dũng, Trần Ngọc Hùng, Mai Thị Ngọc Lan Thanh** | Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 1 (36) 2018 | 0.25 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 11. | Khảo sát sự hiện diện của các gen không độc trên các mẫu phân lập nấm đạo ôn (*Magnaporthe Oryzae*) ở Việt Nam | Nguyễn Bằng Phương, Chatchawan, Nguyễn Bảo Quốc, **Nguyễn Bằng Phi**, Nguyễn Ngọc Bảo Châu | Tạp chí Khoa học Đại Học Mở TP.HCM (ISSN 1859-3453) | Số 57 (6) 2017 | 0.25 | Khoa Khoa học Tự nhiên |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12. | Nghiên cứu xử lý nước thải sinh hoạt của xí nghiệp xử lý nước thải Thủ Dầu Một bằng vi khuẩn bacillus subtilis | Phạm Kim Liên, **Nguyễn Bằng Phi** | Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 4 (35) 2017 | 0.25 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 13. | Nghiên cứu hiệu quả ủ phân compost từ cây đậu xanh và cỏ dại tại địa bàn xã Minh Tân huyện Dầu Tiếng | Lê Thị Minh Nguyệt, **Phạm Thị Mỹ Trâm** | Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 4 (35) 2017 | 0.25 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 14. | Nghiên cứu khả năng xử lý nước thải sinh hoạt của một số loài thực vật | Nguyễn Thị Kim Ngân, **Phạm Thị Mỹ Trâm** | Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 4 (35) 2017 | 0.25 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 15. | Nghiên cứu tỷ lệ phối trộn rơm rạ, bã mía để sản xuất giá thể và sử dụng giá thể trồng rau | Võ Hoàng Anh Thy, **Phạm Thị Mỹ Trâm** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 3 (34) 2017 | 0.25 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 16. | Phân lập và thử nghiệm khả năng xử lý nitrit trong nước rỉ rác của vi khuẩn nitrobacter | **Trần Ngọc Hùng**, Huỳnh Thị Kim Trang | Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 3 (34) 2017 | 0.25 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 17. | Nghiên cứu nâng cao hiệu quả bóc vỏ tiêu đen *pepper nigrum* | **Trần Ngọc Hùng** | Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, ĐHQG TP.HCM (ISSN 1859-0128) | Số 5, 2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 18. | An investigation of agannoerion polymorphumleaf extract as a copper working fluids'additive | Lê Trọng Đại, Nguyễn Đăng Nam, **Hà Tuấn Anh**, M.Vaka, D.T. Ngan | Tạp chí khoa học và công nghệ Việt Nam (ISSN 0866-708X) | Vol 55, NO 5B (2017) | 1.0 | Khoa Khoa học Tự nhiên |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 19. | Tính chất hóa lý của mangan oxide có cấu trúc nano được điều chế bằng phương pháp thủy nhiệt | **Phạm Đình Dũ**, Hồ Sỹ Thắng | Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam (ISSN 0866-7411) | T6. (N01) (2017) | 0.75 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 20. | Tổng hợp composite mangan oxide/diatomite và ứng dụng hấp phụ ion Pb(II) trong dung dịch nước | Nguyễn Trung Hiếu, **Phạm Đình Dũ** | Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ Việt Nam (ISSN 0866-7411) | T6. (N02) (2017) | 0.75 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 21. | Biến tính diatomit bằng oxit mangan và ứng dụng hấp phụ ion Cu(II) trong môi trường nước | Hồ Sỹ Thắng, **Phạm Đình Dũ** | Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học (ISSN 0866-7411) | Tập 22, số 4/2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 22. | Preparation of thermosensitive heparin-pluronic P123 copolymers as potential platforms for drugs delivery | Nguyễn Ngọc Thế, Nguyễn Xuân Anh, Nguyễn Văn Toàn, Trần Ngọc Quyền, **Nguyễn Thị Bích Trâm** | Tạp chí Hóa học (ISSN 0866-7144) | 5e3455, 10/2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 23. | Phương pháp đại số cho nguyên tử Heli hai chiều. | **Nguyễn Phương Duy Anh**, Hoàng Đỗ Ngọc Trầm | Tạp chí Khoa học Đại học Sư Phạm TPHCM (ISSN 1859-3100) | Số 6, tập 15, 2018 | 0.5 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 24. | Một số yếu tố liên quan tới thực trạng bệnh sâu răng, mất răng ở đối tượng người cao tuổi tại tỉnh Đăklăk | Lê Nguyễn Bá Thụ, Trương Mạnh Dũng, Ngô Văn Toàn, Trần Văn Đáng, Nguyễn Vũ Giáp, **Nguyễn Thị Kim Chung** | Tạp chí Y học Việt Nam (ISSN 1742-6588) | Số 1, 9/ 2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 25. | Green growth prediction of Ho Chi Minh City by the grey theory model | **Nguyễn Hiền Thân, Đoàn Ngọc Như Tâm** | Vietnam Journal of Science and Technology (ISSN 0866-708X) | Vol. 55, No. 4C, 2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Tự nhiên |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 26. | Water quality classification by artificial neural network - a case study of Dong Nai River | **Nguyễn Hiền Thân, Chế Đình Lý**, Phạm Văn Tất | Vietnam Journal of Science and Technology (ISSN 0866-708X) | Vol. 55, No. 4C, 2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 27. | So sánh khả năng dự đoán chất lượng nước sông Đồng Nai bằng mạng nơ ron nhân tạo và lý thuyết xám | **Nguyễn Hiền Thân, Chế Đình Lý** và Phạm Văn Tất | Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ | Tập 1 (2017) | 0.5 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 28. | Studying the preparation of activated carbon from Macadamia nut shells by chemical activation with NaOH in methylene blue treatment application | Doan Nguyen Hoang Anh, Pham Mai Ly, **Dao Minh Trung** | Tạp chí Trường Đại Học Sư Phạm Tp.HCM (ISSN 1859-3100) | Số 15(3), 2018 | 0.5 | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 29. | Đánh giá khả năng dính bám giữa lớp bê tông nhựa và bê tông xi măng | **Nguyễn Huỳnh Tấn Tài**, Phạm Minh Tiến, Trần Vũ Tự | Tạp chí Xây dựng, Bộ Xây dựng (ISSN 0866-8762) | Tháng 8/2017 | 1.0 | Khoa Kiến trúc, Xây dựng và Mỹ thuật |
| 30. | Nghiên cứu ảnh hưởng của thành phần phương tiện lên vận tốc dòng giao thông qua nút giao vòng xuyến trong môi trường đa tác tử | Trần Vũ Tự, **Nguyễn Huỳnh Tấn Tài**, Võ Trọng Bộ | Tạp chí Xây dựng, Bộ Xây dựng (ISSN 0866-8762) | Tháng 8/2017 | 1.0 | Khoa Kiến trúc, Xây dựng và Mỹ thuật |
| 31. | Hướng tới mục tiêu không rào cản | **Lưu Thành Tài** | Tạp chí Xây dựng, Bộ Xây dựng (ISSN 0866-8762) | Tháng 8/2017 | 1.0 | Khoa Kiến trúc, Xây dựng và Mỹ thuật |
| 32. | Áp dụng phân tích Cluster xác định các nhân tố góp phần vào sự thành công của nhà thầu phụ | **Phạm Thành An** | Tạp chí Xây dựng, Bộ Xây dựng (ISSN 0866-8762) | Tháng 8/2017 | 1.0 | Khoa Kiến trúc, Xây dựng và Mỹ thuật |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 33. | Biện pháp mới đơn giản tính toán gia cố nền bằng bấc thấm chịu tải trọng theo thời gian theo một phương | Nguyễn Trọng Nghĩa, **Nguyễn Văn Dương** | Tạp chí Xây dựng, Bộ Xây dựng (ISSN 0866-8762) | Tháng 4/2018 | 1.0 | Khoa Kiến trúc, Xây dựng và Mỹ thuật |
| 34. | Mô hình đàn hồi-nhớt-dẻo-từ biến mới và đơn giản cho đất | Nguyễn Trọng Nghĩa, **Nguyễn Văn Dương** | Tạp chí Xây dựng, Bộ Xây dựng (ISSN 0866-8762) | Tháng 5/2018 | 1.0 | Khoa Kiến trúc, Xây dựng và Mỹ thuật |
| 35. | Phương pháp mới xác định gần đúng ảnh hưởng của tốc độ biến dạng đến mặt chảy dẻo cho mô hình đất yếu | Nguyễn Trọng Nghĩa, Trần Vũ Tự, **Nguyễn Văn Dương** | Tạp chí Xây dựng, Bộ Xây dựng (ISSN 0866-8762) | Tháng 5/2018 | 1.0 | Khoa Kiến trúc, Xây dựng và Mỹ thuật |
| 36. | Giá trị văn học của các tài liệu Hán Nôm đã được số hóa tại Thư viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh | Phan Văn Dốp – **Nguyễn Thị Bảo Anh** | Tạp chí Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN 1859 - 0136) | Số 6 (226), 2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 37. | Vận mệnh chữ Nôm trong lịch sử văn hoá Nam Bộ | **Trần Duy Khương** | Tạp Chí Khoa Học, Trường Đại Học Sư Phạm Tp. Hồ Chí Minh (ISSN 1859 - 3100) | Số 14 (8), 2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 38. | Ghi dấu những bậc tiền nhân qua câu đối Hán Nôm ở một số ngôi đình đền xứ Biên Hòa Đồng Nai. | **Nguyễn Văn Ngoạn** | Tạp chí Hán Nôm (ISSN 0866-8639) | Số 6 (145) 2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 39. | Tiểu thuyết lịch sử và quan niệm của các nhà văn Nam Bộ đầu thế kỷ XX về tiểu thuyết lịch sử | **Lê Thị Kim Út** | Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ (ISSN 1859 – 2333) | Tập 51, Phần C, 2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 40. | Thơ ca trong tiểu thuyết lịch sử: trường hợp các sáng tác của Tân Dân Tử | **Lê Thị Kim Út** | Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sài Gòn (ISSN 1859 - 3208) | Số 34 (59), 12/2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 41. | Vai trò của báo chí trong sự biến động hệ giá trị văn hóa ở đô thị Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX (trường hợp Nam Kỳ) | **Nguyễn Thị Thúy Vy** | Tạp Chí Khoa Học, Trường Đại Học Sư Phạm Tp. Hồ Chí Minh (ISSN 1859 - 3100) | Vol. 14, No.8, 2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 42. | The semiosis in some literary theory categories | **Nguyễn Quốc Thắng** | Journal of Science – Da Nang University (ISSN 1859 - 1531) | Số 26 (05) 2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 43. | Tiếp cận "Truyền kì mạn lục" của Nguyễn Dữ từ quan niệm về vô thức cá nhân của Sigmund Freud | **Hoàng Thị Thùy Dương** | Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ (ISSN 1859-2333) | Tập 54, số 3C (2018) | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 44. | Thể tài du ký trong đời sống văn học hiện nay | **Nguyễn Thị Kim Tiến** | Tạp chí Khoa học Xã hội thành phố Hồ Chí Minh (ISSN 1859 – 0136) | Số 8 (228), 2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 45. | Đời sống tâm linh hay hành trình tinh thần bên trong của tiểu thuyết Việt Nam | **Nguyễn Thị Kim Tiến**, Nguyễn Thị Hải Hằng | Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật (ISSN 1859 – 4964) | Số 24, 2018 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 46. | Âm hưởng cổ điển trong thơ Huỳnh Văn Nghệ | **Lê Sỹ Đồng** | Tạp Chí Khoa Học, Trường Đại Học Sư Phạm Tp. HCM (ISSN 1859 - 3100) | Số 14(11), 2017 | 0.75 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 47. | Đảng bộ tỉnh Bình Dương lãnh đão phát triển công nghiệp (1997-2015) | **Nguyễn Văn Linh** | Lịch sử Đảng (ISSN 3936-8477) | Số 7, 2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 48. | Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở tỉnh Bình Dương (1997-2016) | **Phạm Hồng Kiên** | Tạp chí Lịch sử Đảng (ISSN 0936-8477) | Số 7, 2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 49. | Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở tỉnh Bình Dương (2005-2015) | **Phạm Hồng Kiên** | Tạp chí Lịch sử Đảng (ISSN 0936-8477) | Số, 2018 | 1.0 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 50. | Khái quát về lịch sử marketing chính trị ở Hoa Kỳ | **Phan Duy Anh** | Tạp chí Châu Mỹ ngày nay (ISSN 2354-0745) | Số 02, 2018 | 0.75 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 51. | Quá trình khẩn hoang vùng Đông Nam Bộ từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX | **Phan Thị Lý** | Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (ISSN 0866-7497) | Số 499, 11/2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 52. | Chính sách đối với các dân tộc thiểu số ở Tây nguyên của chính quyền Việt Nam Cộng Hòa (1955-1975) qua tài liệu lưu trữ | **Phạm Thúc Sơn** | Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam (ISSN 0866-7365) | Số 4, 2018 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 53. | Tác động chương trình kiến điền của chính quyền đệ nhị việt nam cộng hòa đối với các dân tộc thiểu số ở tây nguyên (1967-1975) (Phần 1) | **Phạm Thúc Sơn** | Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam (ISSN 0866-7365) | Số 5, 2018 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 54. | Symbol of indigenous ethnic groups in the Central highlands nowadays | **Trần Hạnh Minh Phương** | Scientific Journal of Thu Dau Mot University (ISSN 1859-4433) | Issue 1- Jun 2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 55. | Các nguồn thương phẩm đặc trưng của xứ Nam Kỳ (thế kỷ XVIII - đầu XX) - Tiếp cận từ tư liệu phương Tây | **Nguyễn Văn Giác** | Tạp chí Viện Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN 1859-0136) | Số 6 (226) 2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 56. | Quá trình địa phương hóa và phân bố dân cư tại vùng nông thôn thông qua mô hình dinh điền của chính quyền VNCH (1957-1963) | **Nguyễn Thị Tuyết Thanh** | Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn (ISSN 1859-3208) | Số 28, 5/2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 57. | Thích nghi với cuộc sống hiện tại và mong đợi tương lai của công nhân là người Khmer ở Bình Dương | **Lê Anh Vũ** | Tạp chí Khoa học Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh (ISSN 1859-3100) | Số 14 (8) 2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 58. | Người lao động Khmer ở Bình Dương (một phân tích qua diễn ngôn) | **Lê Anh Vũ** | Tạp chí Khoa học xã hội – Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ (ISSN 1859-0136) | Số 10 (230) 2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 59. | Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên | **Trần Minh Đức** | Tạp chí Quản lý kinh tế (ISSN 1859-039X) | Số 86, 2018 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 60. | Những biến đổi trong tập quán sinh đẻ và nuôi dạy con của người Raglai ở huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa | **Trần Dũng** | Tạp chí Khoa học xã hội – Viện khoa học xã hội vùng Trung Bộ (ISSN 1859-2635) | Số 3, 2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 61. | Một vài đặc trưng trong nghi lễ vòng đời người của người Ra-glai ở tỉnh Khánh Hòa | **Trần Dũng** | Tạp chí Dân tộc học – Viện Dân tộc học Việt Nam (ISSN 0866-7632) | Số 3, 2017 | 1.0 | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 62. | Characteristics of language use in Chinese community in Binh Duong province | **Hoang Quoc** | Ngôn ngữ và Đời sống (ISSN 0868 – 3409) | Số 6 (273) 2018 | 1.0 | Khoa Ngoại ngữ |
| 63. | Using Dictogloss to promote grammar in writing for EFL learners | **Hoàng Tô Thư Dung** | Ngôn ngữ và Đời sống (ISSN 0868 – 3409) | Số 6 (273) 2018 | 1.0 | Khoa Ngoại ngữ |
| 64. | An investigation of register in English and Vietnamese advertising discourses | **Bùi Thị Kim Loan** | Ngôn ngữ và Đời sống (ISSN 0868 – 3409) | Số 6 (273) 2018 | 1.0 | Khoa Ngoại ngữ |
| 65. | Attitudes of tdmu english majors towards teacher's global culture integration in british culture classrooms | **Huỳnh Công Khanh** | Ngôn ngữ và Đời sống (ISSN 0868 – 3409) | Số 6 (273) 2018 | 1.0 | Khoa Ngoại ngữ |
| 66. | Quan điểm của giáo viên về việc sử dụng tiếng Việt trong lớp học tiếng Anh ở Việt Nam | **Lê Thanh Hòa** | Ngôn ngữ và Đời sống (ISSN 0868 – 3409) | Số 5 (259) 2017 | 1.0 | Khoa Ngoại ngữ |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 67. | Nâng cao năng lực tài chính của hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 | **Trương Thế Minh** | Tạp chí Giáo dục và Xã hội (ISSN 1859-3917) | Số 76 (137), 7/2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 68. | Thời hiệu thừa kế theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 | **Nguyễn Thanh Phúc** | Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (ISSN 9866-7535) | Số 2 (311), 2/2018 | 0.5 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 69. | Phát triển đô thị bền vững có sự tham gia của cộng đồng | **Nguyễn Quang Giải** | Tạp chí Quy hoạch đô thị (ISSN 1859-3658) | Số 29, 11/2017 | 0.25 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 70. | Chênh lệch về mức sống dân cư qua dữ liệu các cuộc điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam 2006-2014 | **Nguyễn Quang Giải** | Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (ISSN 1859-0136) | Số 9 (229) 2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 71. | Đặc điểm phát triển trí tuệ của trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi trên địa bàn thành phố Huế | **Đồng Văn Toàn**, Đỗ Văn Nghĩa | Tạp chí dạy và học ngày nay (ISSN 1859 – 2694) | Tháng 1/2017 | 0.25 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 72. | Tác động của quá trình đô thị hóa đến tâm lý người dân Đông Nam Bộ | **Đồng Văn Toàn** | Tạp chí dạy và học ngày nay (ISSN 1859 – 2694) | Tháng 5/2017 | 0.25 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 73. | Biện pháp giáo dục động cơ học tập của sinh viên ngành sư phạm mầm non Trường trung cấp Âu Lạc - Huế | **Đồng Văn Toàn**, Trần Thị Qua | Tạp chí dạy và học ngày nay (ISSN 1859 – 2694) | Tháng 7/2017 | 0.25 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 74. | Nguyên tắc đạo đức và kỹ năng giao tiếp trong tham vấn cho sinh viên ngành công tác xã hội, trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương | **Đồng Văn Toàn, Lại Văn Năm** | Tạp chí dạy và học ngày nay (ISSN 1859 – 2694) | Tháng 8/2017 | 0.25 | Khoa Khoa học Quản lý Khoa KHXH&NV |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 75. | Định hướng giá trị đạo đức của học sinh trung học phổ thông tại thành phố Bà Rịa – Vũng Tàu | **Đồng Văn Toàn,** Lê Thị Hằng | Tạp chí khoa học Trường ĐHSP - Đại học Đà Nẵng (ISSN 1859 – 4603) | Số 25 (04), 12/2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 76. | Ảnh hưởng việc sử dụng smartphone đến hoạt động học tập của sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | **Đồng Văn Toàn** | Tạp chí Thiết bị Giáo dục (ISSN 1859 – 0810) | Tháng 4/2018 | 0.5 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 77. | Xu hướng phát triển giáo dục và đào tạo cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao vùng đặc thù kinh tế trọng điểm phía Nam | **Đồng Văn Toàn, Ngô Hồng Điệp** | Tạp chí Thiết bị Giáo dục (ISSN 1859 – 0810) | Tháng 7/2018 | 0.5 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 78. | Biện pháp nâng cao văn hoá ứng xử trường học trong thời kỳ Công nghiệp hoá – Hiện đại hoá và hội nhập quốc tế | **Đồng Văn Toàn, Nguyễn Văn Thăng** | Tạp chí Thiết bị Giáo dục (ISSN 1859 – 0810) | Tháng 7/2018 | 0.5 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 79. | Một số biện pháp quản lí hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy môn tiếng anh ở các trường trung học cơ sở tại thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương | **Phạm Nguyễn Lan Phương,** Phạm Chi Lan | Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng (ISSN 1859-4603) | Số 25 (04) 2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 80. | Kĩ năng thuyết trình của sinh viên ngành giáo dục học khoa sư phạm | **Trần Kim An, Nguyễn Thị Thanh Phương** | Tạp chí giáo chức Việt Nam (ISSN 1854-2902) | Tháng 09/2017 | 0.5 | Khoa Khoa học Quản lý |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 81. | Quan niệm của giảng viên trẻ về thành đạt trong nghề nghiệp | **Nguyễn Thị Thanh Phương** | Tạp chí giáo chức Việt Nam (ISSN 1854-2902) | Tháng 08/2017 | 0.25 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 82. | Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm góp phần nâng cao đạo đức nhà giáo | **Lê Thị Hồng Xuân** | Tạp chí giáo chức Việt Nam (ISSN 1854-2902) | Tháng 7/2018 | 0.5 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 83. | Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp | **Nguyễn Ngọc Quí** | Tạp chí Giáo Chức Việt Nam (ISSN 1854-2902) | Tháng 7/2018 | 0.5 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 84. | Mối quan hệ giữa các nhân tố ảnh hưởng đến việc duy trì nhân tài tại các ngân hàng thương mại – Trường hợp nghiên cứu tại Đông Nam Bộ | **Nguyễn Ngọc Mai** | Tạp chí Công thương (ISSN 0866-7969) | Số 7, 5/2018 | 0.5 | Khoa Khoa học Quản lý |
| 85. | Chính sách thuế đối với Bất động sản, nhiều vấn đề cần sửa đổi bổ sung | **ThS. Trần Tấn Hùng,** ThS. Ngô Thị Mỹ Thúy | Tạp chí thuế Nhà nước (ISSN 1859-0756) | Số 3, 01/2018 | 0.5 | Khoa Kinh tế |
| 86. | Kỳ vọng lạm phát của hộ gia đình tại Thành phố Hồ Chí Minh | **ThS. Hà Lâm Oanh,** ThS. Nguyễn Trung Hiếu | Tạp chí Công thương (ISSN 0866-7756) | Số 7, 5/2018 | 0.5 | Khoa Kinh tế |
| 87. | Chính sách chuyển giá và các chiến lược bán phá giá tại các công ty có quan hệ liên kết | **ThS. Nguyễn Thị Diện,** PGS. TS Phan Đức Dũng, ThS. Nguyễn Thị Bạch Dung | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 2 (33) 2017 | 0.25 | Khoa Kinh tế |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 88. | Các yếu tố của hệ thống kế toán trách nhiệm trong công ty niêm yết: khung lý thuyết nghiên cứu tại Việt Nam | **ThS. Nguyễn Thị Diện,** Nguyễn Thị Bích Liễu | Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (ISSN 0868-3808) | Số 498, 7/2017 | 0.5 | Khoa Kinh tế |
| 89. | Nhận diện cấu trúc tính độc lập kiểm toán tại Việt Nam theo hướng nghiên cứu tiếp cận bối cảnh | **ThS. Lê Đoàn Minh Đức** | Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (ISSN 0868-3808) | Số 496, 6/2017 | 0.5 | Khoa Kinh tế |
| 90. | Dịch vụ phi kiểm toán và tính độc lập kiểm toán viên Việt Nam | **ThS. Lê Đoàn Minh Đức** | Tạp chí Tài chính (ISSN 005-56) | Kỳ 1 (658), 6/2017 | 0.5 | Khoa Kinh tế |
| 91. | Mối quan hệ giữa quản trị công ty và tính độc lập kiểm toán viên: nghiên cứu thực nghiệm tại tỉnh Bình Dương | **ThS. Lê Đoàn Minh Đức, ThS. Huỳnh Thị Xuân Thùy** | Tạp chí kế toán và kiểm toán (ISSN 1859-1914) | Số 1+2/2018 | 0.5 | Khoa Kinh tế |
| 92. | Kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong xu thế hội nhập và hội tụ kế toán quốc tế | **ThS. Nguyễn Vương Thành Long,** PGS. TS. Võ Văn Nhị | Tạp chí Khoa học Tài chính Kế toán (ISSN 2354-0958) | Số 10, 9/2017 | 0.25 | Khoa Kinh tế |
| 93. | Tác động phân cấp tài khóa đến bất bình đẳng thu nhập ở khu vực Đông Nam bộ | **ThS. Nguyễn Thanh Hùng** | Tạp chí Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương (ISSN 0868-3808) | Tháng 7/2017 | 0.5 | Khoa Kinh tế |
| 94. | Nghiên cứu tác động quản trị hành chính công đến tăng trưởng và bất bình đẳng thu nhập | **ThS. Nguyễn Thanh Hùng** | Tạp chí Tài chính (ISSN 005-56) | Tháng 7/2018 | 0.5 | Khoa Kinh tế |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 95. | Phân tích nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tại các trường Đại học tỉnh Bình Dương | **Đỗ Thị Ý Nhi, Huỳnh Ngọc Chương,** Nguyễn Thị Thanh Mai, Võ Thị Linh Giang, Trần Tấn Thi | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 4 (35) 2017 | 0.25 | Khoa Kinh tế |
| 96. | Vận dụng ma trận SWOT và QSPM để xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo - Tỉnh Bình Dương | **Đỗ Thị Ý Nhi, Phạm Công Độ,** Hà Minh Thiện Hào, Nguyễn Văn Tân | Tạp chí Kinh tế Kỹ Thuật Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương (ISSN 0866 -7802) | Số đặc biệt | 0.25 | Khoa Kinh tế |
| 97. | Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một | **ThS. Đỗ Thị Ý Nhi** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 1 (36) 2018 | 0.25 | Khoa Kinh tế |
| 98. | Hoạch định tiến trình chuyển đổi hệ thống Quản lý chất lượng sang ISO 9001:2015 tại các đơn vị hành chính trực thuộc tỉnh Bình Dương | **TS. Hoàng Mạnh Dũng** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 4 (35) 2017 | 0.25 | Khoa Kinh tế |
| 99. | Đo lường sự hài lòng của sinh viên hệ chính quy đối với chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Thủ Dầu Một – Năm 2017 | **TS. Hoàng Mạnh Dũng Hoàng Thị Thanh Nhàn** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 1 (36) 2018 | 0.25 | Khoa Kinh tế |
| 100. | Giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Bình Dương | **Nguyễn Thị Kim Ngân,** Phước Minh Hiệp, Trần Văn Điệp | Tạp chí Kinh tế tà Dự báo (ISSN 0866-7126) | Số 19, 7/2017 | 0.5 | Khoa Kinh tế |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 101. | Cách mạng công nghiệp 4.0 với giáo dục đại học Việt Nam | TS. Hoàng Chí Cảnh, **ThS. Nguyễn Thanh An** | Tạp chí Con số và Sự kiện (ISSN 0866-7322) | Số 12, 2017 | 0.5 | Khoa Kinh tế |
| 102. | Mối quan hệ giữa hoạt động giao lưu cảm xúc với các hoạt động chủ đạo khác | **Hồ Thị Hồng Ái** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số132, 4/2018 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 103. | Giáo dục kỹ năng sống bằng dạy học trải nghiệm và đào tạo giảo viên tiểu học tại Trường Đại học Thủ Dầu Một | **Đoàn Thị Mỹ Linh** | Tạp chí Dạy và học ngày nay (ISSN 1859-2694) | Số 6, 2018 | 0.25 | Khoa Sư phạm |
| 104. | Nhân cách của trẻ em được hình thành từ gia đình | **Trương Huỳnh Xuân Phúc** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số 127, 11/2017 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 105. | Hình thành biểu tượng thời gian cho trẻ mầm non | **Trương Huỳnh Xuân Phúc** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số 134, 6/2018 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 106. | Bạo hành trẻ mầm non – dấu hiệu suy thoái đạo đức của giáo viên mầm non | **Nguyễn Thị Hiền** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số127, 11/2017 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 107. | Biện pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ 5 – 6 tuổi thong qua hoạt động ca hát | **Nguyễn Thị Hiền** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số 135, 8/2018 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 108. | Giáo dục đạo đức cho trẻ ở độ tuổi mầm non trong gia đình | **Nguyễn Thị Ngọc Diệp** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số 134, 6/2018 | 0.5 | Khoa Sư phạm |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 109. | Rèn luyện kỹ năng sư phạm cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non | **Nguyễn Thị Ngọc Diệp** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số 127, 11/2017 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 110. | Đổi mới phương thức thực tập sư phạm cho sinh viên nghành mầm non theo định hướng phát triển năng lực | **Võ Nguyễn Đoan Trinh** | Tạp chí Thiết bị giáo dục (ISSN: 1859 - 0810) | Số 165, 3/2018 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 111. | Vận dung mô hình Flipped classroom với sự hỗ trợ của E-learning trong đổi mới công tác đào tại, bồi dưỡng giáo viên | **Võ Thị Ngọc Trâm** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số 134, 6/2018 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 112. | Dạy trẻ viết hiệu quả bằng một số bài tập phát huy trí tưởng tượng sang tạo | **Vũ Trọng Đông** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số 128, 12/2017 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 113. | Kinh nghiệm dạy học phần Phương pháp dạy học tự nhiên xã hội cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương theo hướng tiếp cận năng lực | **Vũ Trọng Đông** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số 131, 3/2018 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 114. | Vai trò, tác dụng của Đồng dao trong Giáo dục học sinh Tiểu học | **Nguyễn Bình An** | Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật (ISSN 1859 - 4964) | Số 23, 2017 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 115. | Biểu hiện kĩ năng hợp tác của trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi đóng vai có chủ đề | **Vũ Thị Nhân** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số 136, 8/2018 | 0.5 | Khoa Sư phạm |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 116. | Nâng cao kỹ năng lập kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình cho giáo viên mầm non | **Bùi Thị Nguyên Hảo** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số 132, 4/2018 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 117. | Nâng cao năng lực giáo viên khoa sư phạm là nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên Việt Nam | **Nguyễn Thị Hồng** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số 132, 4/2018 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 118. | Bồi dưỡng năng lực theo chuẩn nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên mầm non nhằm nâng cao chất lượng giáo dục mầm non | **Nguyễn Thị Hồng** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số 134, 6/2018 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 119. | Tiêu chí đánh giá kỹ năng thiết kế hoạt động làm quen với toán | **Nguyễn Hoàng Vi** | Tạp chí Thiết bị giáo dục (ISSN 1859 - 0810) | Số 165, 3/2018 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 120. | Tiêu chí đánh giá kỹ năng thiết kế hoạt động làm quen với toán trong giảng dạy học phần "Phương pháp tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với toán" | **Nguyễn Hoàng Vi** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số 161, 01/2018 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 121. | Nâng cao nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên trường Đại học Thủ Dầu Một | **Ninh Thị Thúy Nga** | Tạp chí Thiết bị giáo dục (ISSN 1859 - 0810) | Số 165, 3/2018 | 0.5 | Khoa Sư phạm |
| 122. | Phương pháp trò chơi trong giảng dạy giáo dục thể chất tại trường đại học | **Nguyễn Thị Hương Thủy** | Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 - 2902) | Số 135, 7/2018. | 0.5 | Trung tâm Đào tạo Kiến thức chung |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 123. | Lựa chọn bài tập phát triển sức mạnh tốc độ nâng cao thành tích nhảy xa kiểu ưỡn thân chon nam học sinh lớp 12 Trường trung học phổ thông Thiên Hộ Dương tỉnh Tiền Giang | Nguyễn Văn Nghiêm, **Nguyễn Thị Hương Thủy** | Tạp chí khoa học, Trường Đại học Đồng Tháp (ISSN 0866-7675) | Số 28, 10/2017 | 0.25 | Trung tâm Đào tạo Kiến thức chung |
| 124. | Tạp chí Thiết bị giáo dục, Một số kinh nghiệm về xây dựng kế hoạch huấn luyện nhằm nâng cao thành tích thể thao sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một | **Vũ Xuân Phương, Lê Văn Tèo** | Tạp chí Thiết bị giáo dục (ISSN 1859 - 0810) | Số 170, kỳ 1, 06/2018 | 0.5 | Trung tâm Đào tạo Kiến thức chung |
| 125. | Đánh giá sự phát triển thể lực của sinh viên năm nhất Trường Đại học Thủ Dầu Một | **Vũ Xuân Phương** | Tạp chí Thiết bị giáo dục (ISSN 1859 - 0810) | Số 169, kỳ 2, 05/2018 | 0.5 | Trung tâm Đào tạo Kiến thức chung |
| 126. | Xây dựng các giải pháp khoa học về chuyên môn và quy trình ứng dụng trong quá trình chuẩn bị cho các vận động viên đội tuyển Quốc gia | Đặng Thị Hồng Nhung, **Trịnh Phước Thành** | Tạp chí Khoa học Thể dục Thể thao (ISSN 1859-4662) | Số 02/2018 | 0.75 | Trung tâm Đào tạo Kiến thức chung |
| 127. | Đặc điểm các chỉ số sinh lý, sinh hóa trong đánh giá lượng vận động bên trong của vận động viên cấp cao môn vật tự do | Đặng Thị Hồng Nhung, **Lê Công Bằng** | Tạp chí Khoa học Thể dục Thể thao (ISSN 1859-4662) | Số 01/2018 | 0.75 | Trung tâm Đào tạo Kiến thức chung |
| 128. | Tác động tiêu cực của các FTA đến sự phát triển khu công nghiệp tại Việt Nam | **ThS. Võ Minh Duy,** ThS. Phan Quốc Thái | Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN 0866-7120) | Số 10, 4/2018 | 0.5 | Phòng Đào tạo Đại học |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 129. | Vai trò của tín dụng vi mô đối với sinh kế của các hộ nghèo ở khu vực Đông Nam bộ | **Nguyễn Hồng Thu** | Tạp chí Quản lý Kinh tế (ISSN 1859-039X) | Số 88 (Tháng 4,5)/2018 | 0.5 | Phòng Đào tạo Sau đại học |
| 130. | Ảnh hưởng của mật độ và thời gian thu hoạch đến sinh trưởng và năng suất tinh dầu Bạc hà (*Mentha piperita* L.) | Mai Hải Châu, Nguyễn Thị Mai, **Tường Thị Thu Hằng** | Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp – Trường Đại học Lâm nghiệp (ISSN 1859-3828) | Số 6, 2017 | 1.0 | Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ |
| 131. | Xác định thông số công nghệ tạo composite từ sợi xơ dừa với chất nền là nhựa HDPE | **Hoàng Xuân Niên** | Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp – Trường Đại học Lâm nghiệp (ISSN 1859-3828) | Số 4, 2018 | 1.0 | Viện Phát triển Khoa học và Công nghệ |
| 132. | Quan niệm nghệ thuật và kết cấu hình tượng trong thi pháp thơ Huỳnh Văn Nghệ | **Hoàng Trọng Quyền** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 2 (37) 2018 | 0.5 | Ban Giám hiệu |
| 133. | Đội ngũ giáo viên Bình Dương – 20 năm xây dựng và phát triển | **Trần Văn Trung** | Tạp chí Đại học Sài Gòn (ISSN 1859-4433) | Số 28 (53), 5/2017 | 0.5 | Phòng Khoa học |
| 134. | Dạy học Toán cơ bản theo hướng liên môn giúp sinh viên vận dụng, gắn kết kiến thức môn học khác thông qua bài toán thực tiễn | **Phan Văn Lý** | Tạp chí Giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo (ISSN 2354-0753) | Số đặc biệt, 7/2017 | 0.75 | Viện Phát triển Chiến lược |
| 135. | Đánh giá hiện trạng sử dụng đất và đề xuất điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Nhà Bè | **Đặng Trung Thành** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 1 (36) 2018 | | Khoa Khoa học Tự nhiên |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 136. | Ab initio calculation of intermolecular potentials and second virial coefficients for monte carlo simulation of dimer $N_2$–$N_2$ | **Nguyễn Thành Được** | Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 3 (38) 2018 | | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 137. | Xúc tác L-prolinamide ứng dụng trong phản ứng Mannich | Lê Tín Thanh, Phạm Dương Thanh Sang, **Lê Thanh Thanh** | Tạp chí Đại Học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 3 (34) 2017 | | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 138. | Thiết kế và khảo sát mạch đo tổng trở sinh học hướng tới ứng dụng trong thực phẩm | **Phan Văn Huấn**, **Nguyễn Xuân Hào**, Định Thị Hải Thuận, Nguyễn Thị Thu Hiền. | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 3(34) 2017 | | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 139. | Mô phỏng phổ phản xạ và phổ truyền qua hệ màng mỏng năm lớp bằng thuật toán Memtic | **Phan Văn Huấn**, Phạm Văn Lành | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 4 (35) 2017 | | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 140. | Applied arduino in design line tracking robot | **Nguyễn Thanh Tùng** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Issue 1 - 2017 | | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 141. | Ứng dụng vi điều khiển thiết kế module tự động tưới cây | **Nguyễn Thanh Tùng** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 3 (34) 2017 | | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 142. | Nhiễu loạn tuyến tính của vũ trụ trong lớp mô hình hấp dẫn f(R) dạng hàm mũ đa thức | **Võ Văn Ớn**, Trương Hữu Nghị | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 3 (34) 2017 | | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 143. | Đánh giá hiện trạng chất lượng nước và đề xuất các biện pháp kiểm soát ô nhiễm sông Sài Gòn | **Nguyễn Thị Liên**, **Nguyễn Thanh Tuyền** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 2 (37) 2018 | | Khoa Khoa học Tự nhiên Khoa Khoa học |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đoạn chảy qua Thành phố Thủ Dầu Một | | | | | Quản lý |
| 144. | Hàm lượng chì trong trầm tích, nước sông và trong loài cá Trê (Clarias macrocephalus) trên đoạn sông Sài Gòn đoạn chảy qua TP Thủ Dầu Một | **Lê Thị Phơ** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 2 (37) 2018 | | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 145. | Xử lý chất ô nhiễm hữu cơ nguồn gốc phenol trong nước thải bằng quá trình oxi hóa tiên tiến (AOP) dưới tác dụng của phức xúc tác Mn(Acry)2+ | Lê Thị Hồng Thúy, Quảng Thị Cẩm Quyên, **Lê Thị Đào** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 4 (35) 2017 | | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 146. | Nghiên cứu chế tạo vật liệu kết hợp nano từ tính Oxit sắt từ và biogum trích ly từ hạt muồng hoàng yến và khảo sát khả năng cải thiện chất lượng nước thải công nghiệp của vật liệu biogum cải tiến | Nguyễn Võ Châu Ngân, **Nguyễn Thanh Quang**, Nguyễn Xuân Dũ, **Đào Minh Trung** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 3 (34) 2017 | | Khoa Khoa học Quản lý<br>Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 147. | Khảo sát ảnh hưởng của pH đến khả năng xử lý TDS và độ mặn của nước biển giả định bằng màng lọc UF và RO | Trần Thị Thanh Trúc, **Nguyễn Thanh Quang**, Nguyễn Xuân Dũ, **Đào Minh Trung** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 4 (35) 2017 | | Khoa Khoa học Quản lý<br>Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 148. | Applied Studies on Material of Biocomposite Biological Origin Prepared from Oxide Nano and Biogum (Extracted from Osaka Seeds (Cassia Fistula Linn)) for the Treament of Methylene Blue | **Dao Minh Trung**, Pham Mai Ly, Nguyen Vo Chau Ngan | Tạp chí của nhà xuất bản Bách Khoa | Vol 2, May 18-19,2018 | | Khoa Khoa học Tự nhiên |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 149. | Removal of Metal Ions from Plating Wastewater by Feeomagnetism Nano-Oxide ($CoFe_2O_4$) and Ferromagnetism Nano-OH Materiel | Nguyen Vo Chau Ngan, **Dao Minh Trung** | Tạp chí của nhà xuất bản Bách Khoa | Vol 2, May 18-19, 2018 | | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 150. | Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng chuẩn đầu ra theo hướng tiếp cận CDIO đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho cộng đồng ASEAN | **Nguyễn Hoàng Huế, Phạm Ngọc Hoài** | Tạp chí thông tin Khoa học và Công nghệ Bình Dương (ISSN 1859-1302) | Số 02, 2018 | | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 151. | Thực trạng và giải pháp xây dựng chuẩn đầu ra theo hướng tiếp cận CDIO ngành Khoa học Môi trường – Trường Đại học Thủ Dầu Một | **Nguyễn Hoàng Huế, Phạm Ngọc Hoài** | Tạp chí thông tin Khoa học và Công nghệ Bình Dương (ISSN 1859-1302) | Số 02, 2018 | | Khoa Khoa học Xã hội và nhân văn, Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 152. | Tăng cường mối liên kết giữa Trường đại học Thủ Dầu Một với doanh nghiệp trong đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội | **Phạm Ngọc Hoài** | Tạp chí thông tin Khoa học và Công nghệ Bình Dương (ISSN 1859-1302) | Số 12, 2017 | | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 153. | Nghiên cứu khả năng ứng dụng vật liệu keo tụ Biogum sinh học trích ly từ hạt Muồng Hoàng Yến để cải thiện chất lượng nước thải công nghiệp | **Đào Minh Trung, Phạm Ngọc Hoài** | Tạp chí thông tin Khoa học và Công nghệ Bình Dương (ISSN 1859-1302) | Số 10, 2017 | | Khoa Khoa học Tự nhiên |
| 154. | Giải pháp tìm kiếm ngữ nghĩa cho văn bản khoa học máy tính Tiếng Việt | **Nguyễn Hữu Vĩnh** | Tạp chí Đà Lạt | Tập 6, Số 1, 2016 | | Khoa Kỹ thuật Công nghệ |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 155. | Giải pháp tăng biên độ điện áp xoay chiều không dùng biến áp | **Nguyễn Văn Sơn** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 3(34) 2017 | | Khoa Kỹ thuật Công nghệ |
| 156. | Nghiên cứu lực Coriolis tác dụng lên vật chuyển động và giải thích các hiện tượng xoáy bão, xoáy nước | **Ngô Bảo** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 2(37) 2018 | | Khoa Kiến trúc, Xây dựng và Mỹ thuật |
| 157. | Lắp dựng, vận hành và tháo dỡ mô hình cần trục tháp | **Ngô Bảo** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 3(34) 2017 | | Khoa Kiến trúc - Xây dựng |
| 158. | Diện mạo văn học phương Tây trên Đông Dương tạp chí | **Tạ Anh Thư** | Thông tin Khoa học xã hội | Số 423, 3/2018 | | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 159. | Sự hỗn dung văn hóa trong tín ngưỡng thờ Mẫu, nữ thần ở thành phố Hồ Chí Minh | **Trần Hạnh Minh Phương** | Tạp chí Nguồn sáng dân gian, (ISSN 2525-2240) | Số 2 (63) 2017 | | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 160. | Việc ra quyết định các vấn đề của gia đình ở đồng bằng sông Cửu Long trong mối quan hệ giới | **Trần Hạnh Minh Phương** | Tạp chí Đại học Cần Thơ (ISSN 1859 - 2333) | Số 50D, 2017 | | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 161. | Tư tưởng Hồ Chí Minh về công nghiệp hóa và sự vận dụng của Đảng bộ tỉnh Bình Dương trong thời kỳ đổi mới | **Nguyễn Văn Linh** | Lý luận Chính trị điện tử | Tháng 9, 2017 | | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 162. | Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở ở tỉnh Bình Dương-Kết quả và một số kiến nghị | **Phạm Hồng Kiên** | Tạp chí Khoa học Chính trị (ISSN 1859-0187) | Số 2, 2018 | | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 163. | Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đánh giá và sử dụng cán bộ hiện nay | **Phạm Hồng Kiên** | Tạp chí Tổ chức Nhà nước (ISSN 2588-173X) | Số 11, 2017 | | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 164. | Pháp luật bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam – Những thiếu hụt cần bổ sung | **Trần Minh Đức** | Tạp chí khoa học Học viện Phụ nữ Việt Nam (ISSN 2615-9007) | Số 2, 2018 | | Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn |
| 165. | Nghiên cứu chế tạo vật liệu keo tụ Biogum sinh học trích ly từ hạt muồng yến và khảo sát khả năng cải thiện chất lượng nước thải công nghiệp | **Đào Minh Trung, Nguyễn Thanh Quang**, Nguyễn Võ Châu Ngân, Nguyễn Xuân Dũ | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 1 (36) 2018 | | Khoa Khoa học Tự nhiên Khoa Khoa học Quản lý |
| 166. | Khảo sát khối lượng chất thải nguy hại hộ gia đình phát sinh trên địa bàn thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương | **Bùi Phạm Phương Thanh**, Phạm La Cẩm Vân | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 4 (35) 2017 | | Khoa Khoa học Quản lý |
| 167. | Xác định khía cạnh môi trường tại Đại học Thủ Dầu Một theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 | **Nguyễn Thị Xuân Hạnh**, Nguyễn Thị Như, **Phạm Thị Thùy Trang** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 1 (36) 2018 | | Khoa Khoa học Quản lý |
| 168. | Xây dựng quy trình chuẩn cho hệ thống xử lý nước thải ngành may mặc ngoài khu công nghiệp trên địa bàn huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương | **Bùi Thị Ngọc Bích, Nguyễn Thanh Tuyền** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 2 (37) 2018 | | Khoa Khoa học Quản lý |
| 169. | Nâng cao kỹ năng tự học của sinh viên cơ sở trường Đại học Nội vụ Hà Nội tại Miền Trung | **Đồng Văn Toàn** | Nội san Khoa học Nội vụ, Miền Trung - Tây Nguyên. | Tháng 4/2017 | | Khoa Khoa học Quản lý |

| STT | Tên bài báo khoa học | Tên tác giả/ nhóm tác giả | Tên tạp chí | Số, kỳ tạp chí phát hành | Tạp chí thuộc danh mục | Ghi chú (Đơn vị công tác của tác giả/ nhóm tác giả) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 170. | Sử dụng phương pháp đánh giá ngẫu nhiên cho việc cải tiến trang thiết bị hệ thống quản lý chất thải rắn tại Thành phố Thủ Dầu Một. | **Phạm Thị Thùy Trang, Nguyễn Thị Xuân Hạnh,** Châu Phước Thọ | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 1 (36) 2018 | | Khoa Khoa học Quản lý |
| 171. | Đánh giá nội bộ hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004 tại công ty TNHH Takako Việt Nam | **Nguyễn Thị Xuân Hạnh, Phạm Thị Thùy Trang** | Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một (ISSN 1859-4433) | Số 2 (37) 2018 | | Khoa Khoa học Quản lý |
| 172. | Kế toán quản trị môi trường tại các nước phát triển và tiềm năng áp dụng ở Việt Nam | **ThS. Lê Thị Diệu Linh** | Thông tin Khoa học và Đào tạo, Trường Đại học Thủ Dầu Một (ISBN 978-604-73-5146-6) | Tập 2 | | Khoa Kinh tế |

**Danh sách này có: 172 bài báo được công nhận đã công bố trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục tạp chí được hội đồng chức danh giáo sư nhà nước tính điểm./.**

Trong đó: - Bài báo có thang điểm 1.0: 33 bài
- Bài báo có thang điểm 0.75: 07 bài
- Bài báo có thang điểm 0.5: 68 bài
- Bài báo có thang điểm 0.25: 26 bài
- Bài báo chưa được tính điểm: 38 bài